

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo "**Nghị quyết Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**" như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 05/7/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; theo đó, tại Khoản 2, Điều 19 quy định bãi bỏ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, tại Khoản 2, Điều 17 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Nhằm kịp thời cụ thể hóa văn bản của Trung ương đối với các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đến người dân và doanh nghiệp tại địa phương, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng văn bản

1. Mục đích

Xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, nhằm thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và người dân tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Từng bước tạo kết nối chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh ổn định, bền vững. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với thị trường, tạo dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nông sản hàng hoá. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung, cơ cấu lại sản phẩm,

nhất là các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù theo hướng phát huy vai trò, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.

Thúc đẩy xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, đạt các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung hợp tác, liên kết sản xuất các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường như: tôm, cua, lúa, gỗ... trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Quan điểm chỉ đạo

Chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hiện có của tỉnh. Bảo đảm tính nhất quán trong chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau không gây xáo trộn cho các đối tượng hưởng lợi, không mâu thuẫn với các chính sách khác đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo công khai, các nội dung của Nghị quyết không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh, văn bản sau khi ban hành để tiếp cận và áp dụng thực hiện. Nghị quyết có tính linh hoạt, có thể điều chỉnh, bổ sung phù hợp khi nhu cầu thực tiễn thay đổi.

III. Quá trình xây dựng văn bản

Được sự chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 216/HĐND-TT ngày 05/9/2019 về việc thống nhất xây dựng Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết nêu trên theo trình tự quy định, báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện dự thảo.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

1. Bố cục Nghị quyết: Gồm có 05 Điều

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ
- Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ
- Điều 5. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung chính của dự thảo văn bản

a. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây

dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

b. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

c. Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Xây dựng mô hình khuyến nông:

Hỗ trợ 100% chi phí mua giống; hỗ trợ 50% chi phí mua thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng; hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh. Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông, chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ đào tạo nghề 02 triệu đồng/người/khóa học, thời gian học dưới 03 tháng.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã:

Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; đối với thiết kế mới, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mẫu bao bì, nhãn mác và không quá 03 mẫu; hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn đặc biệt khó khăn, bãi ngang, ven biển và hải đảo; hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn; hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khác.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án.

d) Nguồn kinh phí hỗ trợ:

Thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau)

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tư pháp;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Phòng NN-TN (GiQP)
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử

Số: /2019/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHOÁ IX, KỶ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến nông;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xác định, phê duyệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với các hộ nông dân, tổ hợp tác.

2. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Doanh nghiệp.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

3. Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

a) Xây dựng mô hình khuyến nông:

Hỗ trợ 100% chi phí mua giống; hỗ trợ 50% chi phí mua thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng; hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh. Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông, chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học theo quy định hiện hành.

c) Hỗ trợ đào tạo nghề 02 triệu đồng/người/khóa học, thời gian học dưới 03 tháng.

d) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã:

Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; đối với thiết kế mới, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mẫu bao bì, nhãn mác và không quá 03 mẫu; hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn đặc biệt khó khăn, bãi ngang, ven biển và hải đảo; hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các

vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn; hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khác.

đ) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 40% chi phí chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án.

Điều 4: Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và từ các chương trình, dự án hợp pháp khác và nguồn vốn đối ứng của tỉnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, kỳ họp thứ 11, thông qua ngày... tháng..... năm 2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT.Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiện

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau tại Công văn số 3069/SNN-VP ngày 18/10/2019 về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh* (Điều 1 dự thảo): Nội dung này chưa thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát lại để điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất của văn bản.

b) *Đối tượng áp dụng* (Điều 2 dự thảo): Dự thảo đã thể hiện rõ đối tượng áp dụng.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất

a) *Tính hợp hiến*: Qua kết quả rà soát, đối chiếu Hiến pháp năm 2013, nhận thấy: Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Cà Mau đảm bảo phù hợp với nội dung và những nguyên tắc cơ bản được quy định theo Hiến pháp năm 2013.

b) *Tính hợp pháp*: Dự thảo Nghị quyết được xây dựng đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo đúng nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) *Tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Dự thảo Nghị quyết định được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống pháp luật, gồm: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; chi tiết hóa Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

d) *Tính khả thi*: Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính khả thi. Tuy nhiên, còn một số nội dung cần nghiên cứu, điều chỉnh để đảm bảo tính toàn diện, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của địa phương được nêu tại mục 3 của Báo cáo thẩm định này.

3. Nội dung văn bản dự thảo

a) *Đối với Tờ trình*: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng Mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng dự thảo Tờ trình cho phù hợp, đúng quy định.

b) *Đối với Nghị quyết*:

- Tên gọi: Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh): Thực hiện theo điểm a, mục 1 Báo cáo thẩm định này.

- Tại Điều 5: Cần bám sát quy định tại Chương III, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng cho chặt chẽ, đảm bảo tính khả thi, dễ áp dụng. Đồng thời, giải trình cụ thể “*mức hỗ trợ*” làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Mặt khác, cơ quan chủ trì soạn thảo cần lưu ý một số nội dung để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp:

+ Tại điểm b, khoản 3, Điều 5: Cần xem lại việc viện dẫn “Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính...”. Vì nội dung tại điểm này quy định về “*mức hỗ trợ đào tạo nghề*” trong khi khoản 1, Điều 1 Thông tư số 152/2016/TT-BTC quy định về “*Phạm vi điều chỉnh*”. Đồng thời, ghi chính xác trích yếu nội dung văn bản được viện dẫn.

+ Tại điểm d, khoản 3, Điều 5: Ghi chính xác, đầy đủ trích yếu nội dung văn bản được viện dẫn.

+ Tại điểm đ, khoản 3, Điều 5: Cơ quan chủ trì soạn thảo cần làm rõ việc quy định “*Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao... theo mức chi được quy định tại...*” hay “*chi phí chuyển giao... hỗ trợ 40% theo mức chi được quy định tại...*” tránh trường hợp hiểu nhầm. Bên cạnh đó, cần rà soát, viện dẫn điều khoản cụ thể cho dễ áp dụng.

+ Khoản 3: Đối với nội dung “*Nguồn kinh phí...*” có thể tách riêng thành một khoản hay một điều cho phù hợp.

4. Về ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Ý kiến của Cơ quan thẩm định

Đối với văn bản dự thảo được xây dựng, tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu giải trình, gửi thẩm định theo quy định, cơ bản đảm bảo quy trình xây dựng văn bản. Tuy nhiên, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, tiếp tục giải trình làm rõ và

điều chỉnh những nội dung được nêu tại văn bản thẩm định này trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành.

Sở Tư pháp gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Đ/c S, K (VIC);
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Người ký: Trần Hoàng Lộc
Email: locth.tuphap@camau.gov.vn
Cơ quan: Sở Tư Pháp, Tỉnh Cà Mau
Chức vụ: Phó Giám đốc
Thời gian ký: 27.10.2019 19:43:36
+07-00

Trần Hoàng Lộc

BÁO CÁO

Tiếp thu ý kiến và giải trình thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã dự thảo Tờ trình và Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Dự thảo đã được Sở Tư pháp thẩm định tại văn bản số 427/BC-STP ngày 27/10/2019. Qua nghiên cứu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đối chiếu với các văn bản nguồn có liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu ý kiến thẩm định và điều chỉnh như sau:

1. Những nội dung đã tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

a) Đối với dự thảo Tờ trình:

Tiếp thu ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh đúng Mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối với dự thảo Nghị quyết: Tiếp thu, điều chỉnh các ý kiến như sau:

- Tên gọi: Đã điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tại Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh): Theo thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

- Tại điểm b, khoản 3, Điều 5: Đã bỏ viện dẫn Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính...

- Tại điểm d, khoản 3, Điều 5: Đã bổ sung chi tiết mức hỗ trợ và văn bản hướng dẫn hỗ trợ.

- Tại điểm đ, khoản 3, Điều 5: Do nội dung hỗ trợ tại điều này có phạm vi rất rộng nên không thể quy định chi tiết mức chi cụ thể cho từng nội dung được

quy định tại điều này. Vì vậy cơ quan soạn thảo điều chỉnh mức hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (40% theo điểm đ, khoản 1 Điều 9 của Nghị định 98) và khống chế mức chi hỗ trợ tối đa là 300 triệu/dự án. Việc khống chế mức chi hỗ trợ này cơ quan soạn thảo có tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh như: Quảng Ninh, Bến tre... và đồng thời cân nhắc tính phù hợp điều kiện, khả năng cân đối của tỉnh Cà Mau để quy định.

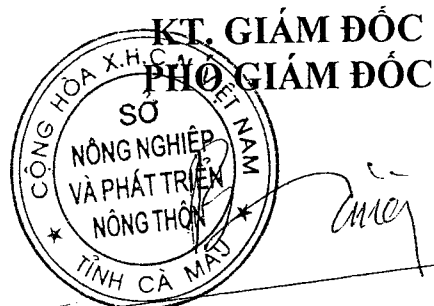
2. Giải trình ý kiến

Ý kiến về Khoản 3: Đối với nội dung “*Nguồn kinh phí...*” có thể tách riêng thành một khoản hay một điều cho phù hợp. Nội dung này không tách ra vì khi áp dụng phải thực hiện nhiều nguồn kinh phí khác nhau và phải viện dẫn từng văn bản cụ thể đối với từng trường hợp. Do đó khi tách ra sẽ khó áp dụng.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn chỉnh lại dự thảo, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VPS.



Châu Công Bằng

Số: 165/BC-SNN

Cà Mau, ngày 18 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Tổng hợp tiếp thu, giải trình nội dung góp ý dự thảo Nghị quyết Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Thực hiện Công văn số 6607/UBND-NNTN ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc tham mưu xây dựng Nghị quyết "Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau".

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND về vấn đề này và xin ý kiến góp của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện và thành phố Cà Mau tại Công văn số 2700/SNN-VP ngày 18/9/2019; đồng thời đã đăng lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Cà Mau để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân.

Đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được văn bản đóng góp ý kiến của 21/28 đơn vị, cụ thể như sau:

- Có 15/28 đơn vị có văn bản thống nhất bản dự thảo Nghị quyết gồm: Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Giao thông Vận tải, Liên minh Hợp tác xã, Hội Thủy sản, Ban Quản lý các khu kinh tế và UBND các huyện (Cái Nước, U Minh, Thới Bình, Phú Tân, Năm Căn, Đầm Dơi).

- Có 06/28 đơn vị có văn bản thống nhất nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, có góp ý sửa đổi, bổ sung gồm: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Ban Dân tộc (có bảng tổng hợp, tiếp thu và giải trình kèm theo).

- Còn lại 07/28 đơn vị không có văn bản phản hồi gồm: Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Cà Mau, UBND thành phố Cà Mau, UBND huyện Ngọc Hiển, UBND huyện Trần Văn Thời.

Qua nghiên cứu kỹ các văn bản góp ý, cùng với nghiên cứu văn bản nguồn và kết quả cuộc họp Tổ thẩm định văn bản vào ngày 17/10/2019, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo tiếp thu, giải trình đối với Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa

bản tỉnh Cà Mau như theo Bảng tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến sửa đổi, bổ sung như sau:

I. Nội dung góp ý của các đơn vị

Bảng tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến sửa đổi, bổ sung

| STT | Cơ quan, đơn vị góp ý | Nội dung | Giải trình, tiếp thu |
|-----|-----------------------|---|---|
| I | Sở Tư pháp | - Tên gọi: Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại khoản 2. Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. | Tiếp thu, chỉnh sửa như sau: “Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau” |
| | | Tại khoản 1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh: Nội dung này chưa thống nhất với tên gọi và những quy định của dự thảo Nghị quyết. Do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần rà soát lại để điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất của văn bản. | Tiếp thu và chỉnh sửa thành “Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. |
| | | Tại khoản 2 và 3. Điều 2: Nội dung quy định này không mang tính nguyên tắc. do đó cần rà soát lại để điều chỉnh cho chặt chẽ. Trong đó, lưu ý <i>cum từ</i> : “theo Quyết định của UBND tỉnh Cà Mau”, “Chương trình OCOP”,... | Tiếp thu và chỉnh sửa |
| | | Tại Điều 4: Cần quy định cụ thể nội dung và mức hỗ trợ liên kết trên cơ sở bám sát quy định tại Chương III. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi, dễ áp dụng. Lưu ý: Không viện dẫn áp dụng văn bản của UBND tỉnh, vì không phù hợp với thẩm quyền. | Tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý |
| | | Tại Điều 6: Xem lại nội dung quy định chuyển tiếp này là chưa phù hợp. Việc xử lý đối với Quyết định 30/2015/QĐ-UBND... cơ quan chủ trì soạn thảo có giải pháp tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý | Tiếp thu: bỏ Điều khoản chuyển tiếp |

| | | | |
|---|------------------------------|---|--|
| | | theo quy định. | |
| | | - Tại Điều 7: Bỏ một cụm từ "Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ...năm 2019". vì thừa. | Tiếp thu: bỏ cụm từ |
| 2 | Sở Thông tin và Truyền thông | - Tại khoản 1, Điều 1: Phạm vi điều chỉnh chưa thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, cần điều chỉnh lại cho phù hợp. | Tiếp thu: chỉnh sửa như đã chỉnh sửa tại ý kiến của Sở Tư pháp |
| | | Tại điểm b, khoản 3. Điều 4 quy định về đào tạo nghề viên dẫn thực hiện theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là không phù hợp với thẩm quyền, cần xem xét lại nội dung này. | Tiếp thu: bỏ viện dẫn QĐ của UBND tỉnh. |
| | | Điều chỉnh bỏ cụm từ "Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ... năm 2019" do bị trùng lặp tại khoản 2, Điều 7. | Tiếp thu: bỏ cụm từ |
| | | - Bên cạnh đó, đối với Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cần có đề xuất xử lý về Quyết định này cho phù hợp theo quy định. | Tiếp thu: đã chỉnh như ý kiến của Sở Tư pháp |
| 3 | Sở Khoa học và Công nghệ | - Tại khoản 2 Điều 2. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ và tại điểm b) khoản 3 Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ, dự thảo Nghị quyết đã áp dụng căn cứ văn bản pháp lý thấp hơn như: Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 22/01/2019... là trái với quy định tại Điều 61. Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |
| | | - Trong mỗi điểm, khoản tại Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ dự thảo Nghị quyết cần chi tiết nội dung và định mức hỗ trợ. | Tiếp thu (trùng với nội dung góp ý của Sở Tư pháp) |

| | | | |
|---|--------------------------------|---|---|
| | | - Tại điểm a) khoản 3 Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ, dự thảo cần lựa chọn mô hình khuyến nông cụ thể và phù hợp để được hỗ trợ đúng theo tinh thần nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |
| 4 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Đối với chính sách hỗ trợ về hạ tầng phục vụ liên kết chỉ quy định thực hiện theo khoản 1, Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ là chưa cụ thể (tại khoản 1, Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu đề xuất định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và khả năng các nguồn kinh phí thực hiện. | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |
| 5 | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch | - Tại phần trích yếu của dự thảo: "Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau". Sở góp ý điều chỉnh lại như sau: " <i>Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau</i> ". | Không tiếp thu do chưa phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. |
| | | . kỹ thuật trình bày: số trang văn bản đặt canh giữa theo chiều ngang trong lề trên của văn bản, không đánh số thứ nhất (theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ). | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |
| 6 | Ban Dân tộc | Phản căn cứ nên thêm Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. | Không tiếp thu (khi xây dựng Nghị quyết chỉ chọn lại những VB nguồn cơ bản) |
| | | Nội dung tại khoản 1, 2 Điều 4 Cần nêu chi tiết nội dung của các điều khoản, không nên nói chung chung. | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |
| | | Tại mục c, d, đ khoản 3 Điều 4 trong nội dung cần thể hiện được định mức hỗ trợ. | Thông nhất tiếp thu nội dung góp ý |

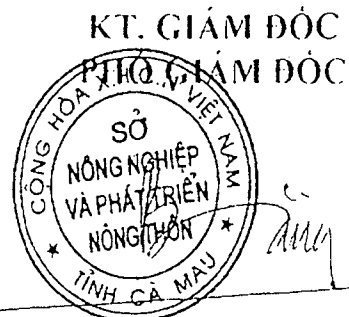
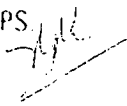
II. Nội dung góp ý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh

Trong thời gian 30 ngày đăng tải dự thảo Tờ trình và Nghị quyết: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không nhận được góp ý.

Trên đây là báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình nội dung góp ý dự thảo Nghị quyết Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, VPS.



Châu Công Bằng